TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày 20/7/2017
"V/v Ly hôn giữa anh Đ
và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thực
2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Ông Lưu Duy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tô Anh Đ, sinh năm 1981, (có mặt).
Nguyên quán: Thôn H, xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình.
Nơi cư trú: Trường Trung cấp Kỹ thuật T, địa chỉ: xã H, huyện B, tỉnh V.

Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983, (có mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện cho chị H theo chỉ định của Tòa án: Bà Nguyễn Thị T – Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Tô Anh Đ trình bày:

Anh và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/8/2008. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau; giữa chị H với bố mẹ anh cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 1/2016 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị H không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Anh và chị H có 02 con chung là Tô Bích N, sinh ngày 18/10/2013 và Tô Vũ Bích Q, sinh ngày 17/10/2015. Vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nếu không được anh xin được nuôi dưỡng con lớn, nhường chị H nuôi dưỡng con nhỏ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện tại đang công tác tại tỉnh V, nếu được nuôi con anh sẽ đưa con ra sống cùng anh tại nơi anh công tác, anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

Anh và chị H có tài sản chung gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVEALP, biển kiểm soát (BKS) 17B4-271.xx, đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Văn Tuyên, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Khuốc, xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, trị giá 14.000.000 đồng và 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic trị giá 6.000.000 đồng, ngoài ra vợ chồng không có tài sản gì khác vì vẫn chung sống với bố mẹ chồng. Vợ chồng ly hôn anh xin được sở hữu toàn bộ tài sản trên và thanh toán cho chị H ½ giá trị bằng tiền. Chị H trình bày vợ chồng còn có số tiền 40.000.000 đồng là tiền chơi phường đã rút từ năm 2013 do anh quản lý là đúng, tuy nhiên số tiền trên anh đã chi phí cho hai vợ chồng đi học và chi tiêu cho cuộc sống đến nay không còn, nếu chị H yêu cầu thì anh vẫn thanh toán cho chị H ½ số tiền trên là 20.000.000 đồng, đồng thời hỗ trợ thêm cho chị H 10.000.000 đồng để bồi dưỡng do chị H hay bị ốm đau. Vợ chồng anh không vay nợ gì ai.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Chị đồng ý việc Tòa án chỉ định bà Nguyễn Thị T – Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình là người đại diện cho chị trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị với anh Đ.

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và thời gian kết hôn giữa chị với anh Đ như lời trình bày của anh Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì, nhưng do tác động của gia đình anh Đ nên anh Đ đã sống ly thân với chị từ năm 2015 và khởi kiện xin ly hôn chị. Nay chị xét thấy chị vẫn còn tình cảm với anh Đ, đồng thời vì hai con còn quá nhỏ, chị không muốn các con chị phải xa nhau nên chị không đồng ý ly hôn anh Đ.

Chị và anh Đ có hai con chung như anh Đ trình bày là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị từ 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng/cháu/tháng. Hiện tại chị đang làm công nhân may, thu nhập trung bình 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng, chị nhất trí với lời trình bày của anh Đ

Người đại diện cho chị H, bà Nguyễn Thị T trình bày: Qua nắm bắt tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đ được biết vợ chồng anh Đ, chị H chung sống không hạnh phúc, quan hệ giữa chị H với bố mẹ chồng cũng không hòa thuận, nguyên nhân bà không nắm được cụ thể, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H hiện tại làm công nhân may, công việc rất bận, bản thân chị H hay ốm đau, đôi lúc có biểu hiện không bình thường, hai con của chị H và anh Đ chủ yếu do ông bà nội chăm sóc. Nếu giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng thì chị H khó có thể chăm sóc con tốt được, đề nghị Tòa án xem xét phân chia việc nuôi con cho hợp lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh là anh rể của anh Đ, vào năm 2016 anh Đ và chị H có nhờ anh mua hộ và đứng tên trong đăng ký chiếc xe mô tô WAVEALP, biển kiểm soát 17B4-271.xx. Anh xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản chung của anh Đ và chị H, anh không có tranh chấp gì với anh Đ và chị H về chiếc xe trên. Do điều kiện công việc bận, anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh Đ với chị H.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 88 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho anh Đ được ly hôn chị H; giao con chung Tô Bích N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Tô Vũ Bích Q cho chị H trực tiếp, hai bên không phải cấp dương nuôi con cho nhau; xác định anh Đ, chị H có tài sản chung là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVEALP, biển kiểm soát 17B4-271.xx trị giá 14.000.000 đồng; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic trị giá 6.000.000 đồng và số tiền 40.000.000 đồng do anh Đ quản lý, giao cho anh Đ được sở hữu chiếc xe mô tô và tủ lạnh, anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền 30.000.000 đồng, chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ thanh toán thêm cho chị H số tiền 10.000.000 đồng. Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Đ, chị H còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối giá trị tài sản được phân chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Anh Tô Anh Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn bị đơn chị Vũ Thị H, địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã xuất trình Giấy ra viện ngày 18/5/2015 và Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của Bệnh viện tâm thần tỉnh H có nội dung chị H được chẩn đoàn mắc "*các rối loạn tâm thần và hành vi kết hợp với thời kỳ sinh đẻ F53*" phải điều trị tại Bệnh viện tâm thần H từ ngày 06/12/2015 đến ngày 18/12/2015. Qua xác minh tại cơ sở thôn H được biết đôi lúc chị H có những biểu hiện lời nói, việc làm không bình thường. Chị H hiện đang làm công nhân tại Công ty may xuất nhập khẩu T, tại Tòa án chị H vẫn trình bày được yêu cầu của chị về việc giải quyết vụ án, nhưng xét thấy để bảo đảm quyền lợi cho chị H cũng như sự khách quan trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo đưa mẹ đẻ chị H là bà Phạm Thị Y, sinh năm 1957, địa chỉ: thôn An H, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương đại diện cho chị H tham gia tố tụng nhưng bà Yến không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. TAND huyện Hưng Hà đã ủy thác cho TAND huyện T, tỉnh H làm việc với bà Y, nhưng do bà Y thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên TAND huyện T, tỉnh H không làm việc được với bà Y (chị H trình bày bố chị đã chết). Vì lý do trên Tòa án đã làm việc với Hội liên hiệp phụ nữ huyện Hưng Hà, chỉ định bà Nguyễn Thị T – Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã P, huyện H đại diện cho chị H trong quá trình giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Anh Tô Anh Đ và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/8/2008, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 1/2016 đến nay. Qua xác minh tại cơ sở thôn H được biết giữa chị H với gia đình chồng cũng xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa anh Đ và chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung*: Anh Đ và chị H có 02 con chung là Tô Bích N, sinh ngày 18/10/2013 và Tô Vũ Bích Q, sinh ngày 17/10/2015. Mặc dù chị H có tiền sử bị rối loạn tâm thần, nhưng bệnh tình đã ổn định, hiện nay chị đang làm công nhân may, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con và cháu Quyên hiện vẫn còn nhỏ

nên cần giao cháu Tô Vũ Bích Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Tô Bích N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về chia tài sản*: Anh Đ và chị H thống nhất vợ chồng có tài sản chung là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVEALP, biển kiểm soát 17B4-271.xx, trị giá 14.000.000 đồng; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic trị giá 6.000.000 đồng đều do anh Đ đang quản lý và 40.000.000 đồng tiền phường anh Đ rút và quản lý từ năm 2013. Xét thấy cần giao cho anh Đ được sở hữu chiêc xe mô tô và tủ lạnh, anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền 30.000.000 đồng và chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ thanh toán thêm cho chị H số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp.

[7] *Về án phí*: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Đ, chị H còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối giá trị tài sản được phân chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 88 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, 58 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa anh Tô Anh Đ và chị Vũ Thị H.

2. ***Về nuôi con chung***: Giao cháu Tô Bích N, sinh ngày 18/10/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Tô Vũ Bích Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Đ, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về chia tài sản***:

- Anh Tô Anh Đ được quyền sở hữu xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVEALP, biển kiểm soát 17B4-271.xx, đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Văn Tuyên, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic và 40.000.000 đồng tiền phường anh Đ rút từ năm 2013.

- Buộc anh Tô Anh Đ phải thanh toán cho chị Vũ Thị H tiền chênh lệch giá trị tài sản là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ thanh toán thêm cho chị H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. ***Về án phí***: Anh Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004646 ngày 10/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, anh Đ còn phải nộp 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Chị H phải chịu 1.500.000 đồng (mọt triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Mạnh Hà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.